

Bản án số: 226/2023/HC-PT

Ngày: 24/7/2023

V/v: “*Kiện hành vi hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

#### TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Phước Hòa.

*Các Thẩm phán:* - Ông Nguyễn Tấn Trường.

- Ông Phạm Văn Hợp.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Quang Toàn là Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 83/2023/TLPT-HC ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc “*Kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2507/2023/QĐPT-HC ngày 28 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** ông Lê Văn N, sinh năm 1973; Địa chỉ: TDP Đ, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

*Người đại diện theo ủy quyền:*

1. ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1958; Địa chỉ: TDP A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

2. Bà Trà Thị Thu Th, sinh năm 1995; Địa chỉ: Phòng 602, 25 đường M, phường Đ1, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Võ Minh V - Phó Chủ tịch. Có đơn xin xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* ông Huỳnh Thanh Th - Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xử vắng mặt.
2. Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Phạm Xuân K - Phó Giám đốc. Có đơn xin xử vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

*Người đại diện theo pháp luật:* ông Nguyễn Chí L - Chủ tịch. Có đơn xin xử vắng mặt.

4. Bà Phạm Thị C1, sinh năm 1975; Địa chỉ: TDP Đ, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xử vắng mặt.

*Người kháng cáo:* ông Lê Văn N.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 01/11/2021, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung nộp ngày 31/12/2021 của ông Lê Văn N, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn N là ông Nguyễn Chí H trình bày:***

Nguyên vợ chồng ông Lê Văn N và bà Phạm Thị C1 là chủ sử dụng thửa đất số 735, tờ bản đồ số 07, tích 81m<sup>2</sup>, thuộc bộ địa chính phường P, thị xã Đ, đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BE 000491, số vào sổ CH 00121, cấp ngày 06/6/2011.

Năm 2014, Dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1 đoạn km 1063 + 877, km 1092 + 577 tỉnh Quảng Ngãi theo hình thức hợp đồng BOT; đoạn qua địa bàn xã P trúng vào thửa đất này, theo đó Nhà nước thu hồi 10,5m<sup>2</sup> loại đất ONT, hiện nay diện tích còn lại 70,5m<sup>2</sup>.

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi thì hộ ông Lê Văn N đủ điều kiện được Nhà nước giao 01 lô đất tái định cư theo quy định. Đồng thời, theo Thông báo kết luận số 807-TB/TU ngày 28/4/2014 của Thường trực Tỉnh ủy, Thông báo kết luận số 116/TB-UBND ngày 16/5/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, Thông báo kết luận số 146/TB-UBND ngày 10/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi thì hộ ông Lê Văn N được phép lưu cư tại chỗ.

Tại nhiều buổi tiếp dân do UBND thị xã Đ tổ chức đều thể hiện nhất quán là sẽ cấp đất tái định cư cho hộ gia đình ông Lê Văn N.

Mới đây, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Thông báo số 469/TB-UBND ngày 24/9/2021, theo đó chỉ đạo cho UBND thị xã Đ là: “*Không đồng ý việc giải quyết 09 lô đất tái định cư vì không đủ cơ sở pháp lý để thực hiện, giao*

UBND thị xã Đ thông báo và hướng dẫn người dân khởi kiện theo đúng quy định pháp luật”. Xuất phát từ thông báo này, UBND thị xã Đ và Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi đã từ chối giải quyết đất tái định cư và giao trả hồ sơ cho vợ chồng ông Lê Văn N.

Từ các lý do trên, ông Lê Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc không cấp đất tái định cư cho vợ chồng ông Lê Văn N và bà Phạm Thị C1 sau khi thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư, cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn km 1063+877-km1092+577, tỉnh Quảng Ngãi theo hình thức Hợp đồng BOT đoạn qua xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ giải quyết cấp một lô đất tái định cư cho vợ chồng ông Lê Văn N và bà Phạm Thị C1 theo quy định của pháp luật.

**Tại các Văn bản số 971/UBND ngày 16/5/2022, số 3145/UBND ngày 14/12/2022, Biên bản làm việc ngày 28/12/2022 của người bị kiện UBND thị xã Đ và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Võ Minh V - Phó Chủ tịch UBND thị xã Đ trình bày:**

Dự án Mở rộng Quốc lộ 1A được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt vào năm 2013; năm 2014 UBND huyện Đ (nay là UBND thị xã Đ) triển khai thực hiện để thu hồi, bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân, trong đó có 8 hộ dân: Lê Văn A, Trần K, Huỳnh Thị C2, Huỳnh Đoàn H1, Lê Văn N, Nguyễn Thị Kim Ph, Võ A1, Nguyễn Thị Mỹ H2.

Năm 2015, UBND xã P (nay là UBND phường P) lập danh sách các hộ dân đủ điều kiện bố trí đất tái định cư và ngày 03/02/2016 có Công văn số 05/UBND xác nhận các trường hợp không còn chỗ ở nào khác, thời điểm này không có 08 hộ dân nêu trên.

Năm 2019, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi có Công văn số 1001/TTPTQĐ yêu cầu UBND phường P xác nhận các hộ dân tại địa bàn phường có đất bị ảnh hưởng bởi dự án này để hộ đủ điều kiện được bố trí đất tái định cư theo quy định. Qua rà soát, UBND phường xác nhận 10 trường hợp để hộ dân đủ điều kiện bố trí đất tái định cư, trong đó có 08 hộ dân trên đủ điều kiện bố trí tái định cư và 02 hộ dân không đủ điều kiện.

Đối với 08 trường hợp này, UBND thị xã Đ chưa phê duyệt phương án bố trí tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, bởi vì tại thời điểm UBND phường P xác nhận họ đủ điều kiện bố trí tái định cư thì các quy định chế độ bồi thường, tái định cư áp dụng cho dự án đã hết hiệu lực thi hành. Vì vậy, UBND thị xã có nhiều văn bản gửi UBND tỉnh, các cơ quan tham mưu của UBND tỉnh xin cơ chế áp dụng các văn bản trước đây (đã áp dụng cho các trường hợp khác) để phê

duyệt phương án bố trí đất tái định cư cho 08 hộ dân nhưng UBND tỉnh và các cơ quan tham mưu của UBND tỉnh không thống nhất; đồng thời, thời điểm UBND phường xác nhận thì chính sách pháp luật có nhiều thay đổi, họ không đủ điều kiện để được bố trí đất tái định cư. Mặt khác, thời điểm năm 2015 - 2016 UBND phường P lập danh sách các hộ dân đủ điều kiện được bố trí đất tái định cư thì 08 hộ dân này không có đơn yêu cầu thu hồi luôn phần diện tích đất còn lại. Năm 2020, khi UBND phường xác nhận lại thì 08 hộ dân này cũng không có đơn yêu cầu thu hồi. Đồng thời, đối với các thửa đất bị ảnh hưởng của dự án vào năm 2014, diện tích đất bị thu hồi mặc dù còn dưới 100m<sup>2</sup> nhưng họ vẫn sinh sống, kinh doanh ổn định nên họ không có đơn yêu cầu thu hồi luôn phần diện tích đất còn lại và muốn vừa lưu cư, vừa yêu cầu bố trí đất tái định cư. Do đó, để đủ điều kiện bố trí tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thì 08 hộ dân phải có đơn đề nghị thu hồi phần diện tích đất còn lại và không được phép lưu cư tại các thửa đất bị thu hồi. Trường hợp 08 hộ dân này không có đơn yêu cầu Nhà nước thu hồi luôn phần diện tích đất còn lại thì không đủ điều kiện để bố trí tái định cư theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

***Tại Văn bản số 4323/UBND-KTN ngày 29/8/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND tỉnh Quảng Ngãi trình bày:***

Công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư để triển khai thực hiện Dự án Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2003 và Luật Đất đai năm 2013 thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của UBND huyện Đ (nay là UBND thị xã Đ). Đồng thời, Dự án Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 theo hình thức hợp đồng BOT đã thực hiện quyết toán hoàn thành vào năm 2018 và đưa công trình vào sử dụng.

Hiện nay, quy định về bố trí tái định cư tại khoản 2 Điều 27 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi đã hết hiệu lực thi hành.

Tuy nhiên, để giải quyết các tồn tại, vướng mắc liên quan đến việc thực hiện đầu tư xây dựng 07 khu tái định cư phục vụ Dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 1063+877 – Km 1092+577, tỉnh Quảng Ngãi, trên cơ sở báo cáo của UBND thị xã Đ và đề xuất của các sở, ngành, Chủ tịch UBND tỉnh đã chủ trì cuộc họp để nghe, cho ý kiến giải quyết các tồn tại liên quan đến việc thực hiện đầu tư xây dựng 07 khu tái định cư và đã cho ý kiến kết luận tại điểm d khoản 2 Thông báo 469/TB-UBND ngày 24/9/2021 liên quan đến nội dung kiến nghị của người dân: “*Không đồng ý việc giải quyết bố trí đất tái định cư vì không đủ cơ sở pháp lý để thực hiện, giao UBND thị xã Đ thông báo và hướng dẫn người dân khởi kiện đúng quy định của pháp luật*”.

***Tại Văn bản số 58/UBND ngày 27/5/2022, Báo cáo số 108/BC-UBND ngày 29/8/2022 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND phường P và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Chí L - Chủ tịch UBND phường P trình bày:***

Trường hợp của ông Lê Văn N: Hộ gia đình ông Lê Văn N là chủ sử dụng đất tại thửa số 735, tờ bản đồ số 07, bộ địa chính xã P lập năm 1998, đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH.00121, số phát hành BE 000491, cấp ngày 06/6/2011.

Về nguồn gốc đất: Đất ở có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Lê Biên vào năm 1997, ông Lê Văn N xây dựng nhà ở năm 1997 và trực tiếp quản lý sử dụng cho đến năm 2014 không ai tranh chấp. Năm 1998 đo đạc bản đồ địa chính xã P, thửa đất được mang số hiệu 735, tờ bản đồ số 07, diện tích thửa đất 89m<sup>2</sup>, loại đất ở. Năm 2000, thực hiện Dự án Cải tạo, mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1 lần thứ nhất (Dự án DAB3) diện tích mất do bị thu hồi là 8m<sup>2</sup>, loại đất ở. Năm 2011, hộ ông Lê Văn N được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH.00121, số phát hành BE 000491, cấp ngày 06/6/2011 tại thửa đất số 735, tờ bản đồ số 07, diện tích 81m<sup>2</sup>, loại đất ở.

Năm 2014, thực hiện Dự án Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1, thửa đất được mang số hiệu 91, tờ bản đồ số 02, do Công ty TNHH đo đạc Tân Thành đo vẽ. Diện tích đất bị thu hồi là 10,5m<sup>2</sup>, diện tích thửa đất còn lại là 84,1m<sup>2</sup> (thực trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích còn lại là 70,5m<sup>2</sup>).

Qua kiểm tra, rà soát đối tượng đề nghị giao đất tái định cư thuộc Dự án Đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1, hộ dân có đất bị thu hồi và ảnh hưởng nhà chính đoạn qua địa bàn xã P, UBND xã P báo cáo kết quả các nội dung liên quan như sau: Hộ dân không có chỗ ở nào khác trên địa bàn xã P có 08 trường hợp, trong đó có trường hợp của hộ ông Lê Văn N. Tuy nhiên, để đủ điều kiện bố trí tái định cư, ông Lê Văn N phải có đơn yêu cầu Nhà nước thu hồi luôn phần diện tích đất còn lại theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

***Tại Văn bản số 266/TTPTQĐ-BT&GPMB ngày 29/3/2022 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Xuân K - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi trình bày:***

Đối với 08 trường hợp của các hộ dân Lê Văn A, Trần K, Huỳnh Thị C2, Huỳnh Đoàn H1, Lê Văn N, Nguyễn Thị Kim Ph, Võ A1, Nguyễn Thị Mỹ H2 đều liên quan đến Dự án Mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1, đoạn qua địa bàn xã P, huyện Đ; Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi đã có báo cáo quá trình thực hiện, kiến nghị giải quyết cụ thể cho UBND thị xã Đ tại Báo cáo số 107/BC-

TTPTQĐ ngày 30/3/2020. Tuy nhiên, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi chỉ có thẩm quyền báo cáo, kiến nghị đề cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Đến nay UBND tỉnh Quảng Ngãi, UBND thị xã Đ đều không đồng ý cấp đất tái định cư cho 08 hộ dân nên đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

***Tại Văn bản trình bày ý kiến ghi ngày 01/6/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C1 trình bày:***

Tôi thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N, yêu cầu Tòa án buộc UBND thị xã Đ giải quyết cấp một lô đất tái định cư cho vợ chồng tôi theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 và Thông báo kết luận số 146/TB-UBND ngày 10/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 14 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:**

*“Căn cứ khoản 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 4 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi về đất; khoản 2 Điều 27 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

*Tuyên xử:*

*1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:*

*- Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc không cấp đất tái định cư cho vợ chồng ông Lê Văn N và bà Phạm Thị C1 sau khi thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư, cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn km 1063+877-km1092+577, tỉnh Quảng Ngãi theo hình thức Hợp đồng BOT đoạn qua xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi là hành vi hành chính trái pháp luật.*

*- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ giải quyết cấp một lô đất tái định cư cho vợ chồng ông Lê Văn N và bà Phạm Thị C1 theo quy định của pháp luật”.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23/3/2023, ông Lê Văn N có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm: đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn N là bà Trà Thị Thu Th giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Thấy đây là phiên tòa lần 2, các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án vì các đương sự đều đã có lời trình bày trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Hành vi không cấp đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thị xã Đ và buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ cấp đất tái định cư là những hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án hành chính theo quy định tại Điều 32 Luật tố tụng hành chính là đúng.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 22/10/2021, Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban hành Thông báo số 409/TB-UBND để thông báo ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc không cấp đất tái định cư cho hộ gia đình ông Lê Văn N.

Ngày 01/11/2021, ông Lê Văn N có đơn khởi kiện vụ án hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[4] Xét hộ gia đình ông Lê Văn N có đủ điều kiện để được cấp đất tái định cư.

[4.1] Vợ chồng ông Lê Văn N, bà Phạm Thị C1 đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 000491, số vào sổ CH

00121 ngày 06/6/2011, cho thửa đất số 735, tờ bản đồ số 07, với diện tích 81m<sup>2</sup>, tọa lạc phường P, thị xã Đ.

[4.2] Ngày 30/6/2014, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 4911/QĐ-UBND, với nội dung: Thu hồi 10,5m<sup>2</sup> đất ONT của ông Lê Văn N và bà Phạm Thị C1 thuộc thửa đất số 91, tờ bản đồ số 2 xã P - Bản đồ chỉnh lý và biên tập từ tờ bản đồ số 7 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 20/6/2014 (nguyên là thửa đất số 735, tờ bản đồ số 7-Bản đồ đo đạc năm 1998) để xây dựng dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Km1063+877 - Km1092+577, tỉnh Quảng Ngãi, đoạn qua xã P huyện Đ.

[4.3] Ngày 31/12/2015, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 8321/QĐ-UBND và Quyết định số 8555/QĐ-UBND với nội dung bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Văn N, bà Phạm Thị C1 (đợt 6, 7) với tổng số tiền 16.813.327 đồng.

[4.4] Sau khi bị thu hồi 10,5m<sup>2</sup>, hộ gia đình ông Lê Văn N còn sử dụng thửa đất với diện tích 70,5m<sup>2</sup> đất, (thực tế là 84m<sup>2</sup>) và gia đình ông N vẫn sử dụng thửa đất nêu trên cho đến hiện nay.

[4.5] Ông Lê Văn N không có đơn đề nghị Nhà nước thu hồi diện tích 70,5m<sup>2</sup> đất và tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn N cũng không đồng ý làm đơn yêu cầu Nhà nước thu hồi thửa đất còn lại vì cho rằng gia đình ông N đủ điều kiện vừa lưu cư vừa được cấp đất tái định cư

[4.6] Tại khoản 2 Điều 27 Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, quy định:

*“Điều 27. Các trường hợp được bố trí tái định cư*

*2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở bị thu hồi đất mà phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi dưới 40m<sup>2</sup> đối với khu vực đô thị và 100m<sup>2</sup> đối với khu vực nông thôn mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi và người bị thu hồi đất có đơn yêu cầu Nhà nước thu hồi luôn.”*

[4.7] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trà Thị Thu Th cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ là không đúng vì thời điểm gia đình ông Lê Văn N được bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thì Luật Đất đai 2013 đã có hiệu lực pháp luật. Thấy: Hiện nay Nhà nước chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào để hủy bỏ giá trị pháp lý của Nghị định số 197/2004/NĐ-CP, hơn nữa quy định về “Tái định cư” của Nghị định này được thể hiện cụ thể trong điểm c khoản 2 Điều 83, Điều 86 Luật



Đất đai 2013 (*Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở*)

[4.8] Đối chiếu quy định trên, do hộ gia đình ông Lê Văn N không phải di chuyển chỗ ở và cũng không có đơn đề nghị Nhà nước thu hồi phần diện tích 70,5m<sup>2</sup> đất còn lại nên không đủ điều kiện để được bố trí tái định cư. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N là đúng quy định pháp luật.

[5] Về án phí: kháng cáo của ông Lê Văn N không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn N. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng Điều 83 Luật đất đai 2013; Điều 4 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi về đất; Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc không cấp đất tái định cư cho vợ chồng ông Lê Văn N, bà Phạm Thị C1 sau khi thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư, cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Km1063+877-Km1092+577, tỉnh Quảng Ngãi theo hình thức Hợp đồng BOT đoạn qua xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi là hành vi hành chính trái pháp luật.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N về việc yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ giải quyết cấp một lô đất tái định cư cho vợ chồng ông Lê Văn N và bà Phạm Thị C1 theo quy định của pháp luật.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Lê Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0006054 ngày 19/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Xác nhận ông Lê Văn N đã thi hành xong khoản tiền nộp án phí hành chính phúc thẩm.

4. Những quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị như: án phí hành chính sơ thẩm có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đinh Phước Hòa**